

Số: /BC-UBND

Tu Mơ Rông, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông

Kính gửi: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum.

Thực hiện Công văn số 2300/SLĐTHXH-TGXHGN ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum về việc tổng hợp số liệu đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn các huyện nghèo.

Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình

a) Công tác kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện: Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã kịp thời thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các CTMTQG cấp huyện, xây dựng quy chế hoạt động, chương trình công tác. Chỉ đạo các cơ quan thường trực các chương trình thành lập Tổ công tác, xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2022, năm 2023 và giai đoạn 2021-2025¹. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã hoàn thành công tác thành lập Ban chỉ đạo, Ban quản lý, Ban giám sát cộng đồng theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

b) Tình hình chỉ đạo của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở cấp huyện, xã:

¹Quyết định số 71/QĐ-UBND, ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

²Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 7 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

³Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Kon Tum Về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁴Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh bổ sung nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND huyện về mục tiêu nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương: mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

⁵Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 7 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

⁶Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành từ huyện đến cơ sở đảm bảo tập trung, thống nhất, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu, phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp, từng thành viên Ban chỉ đạo xuyên suốt giai đoạn. thường xuyên, kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

Chỉ đạo 11/11 xã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, thường xuyên phối hợp triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình. Hướng dẫn thực hiện công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

2. Công tác phối hợp thực hiện Chương trình: Việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện có sự chỉ đạo trực tiếp, chặt chẽ của Ban chỉ đạo; các cơ quan chuyên môn và UBND các xã thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức triển khai thực hiện nội dung các dự án, tiểu dự án và hoạt động của Chương trình. Bảo đảm các dự án, tiểu dự án được triển khai, thực hiện công khai, lấy ý kiến đề xuất từ cộng đồng dân cư.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá công tác quản lý Chương trình

a) Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Triển khai kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo của cấp trên, đồng thời cụ thể hóa hệ thống văn bản chỉ đạo đồng bộ, thống nhất; Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG GN giai đoạn 2021-2025; Hằng năm ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; kế hoạch triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo, giao mục tiêu phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo cho từng đơn vị. Hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho các đối tượng thụ hưởng như hỗ trợ phát triển sản xuất theo hình thức nhóm tổ cộng đồng; liên kết, tiêu thụ sản phẩm; phát triển các mô hình, dự án liên kết theo tiềm năng, lợi thế, phù hợp với quy hoạch và chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị thực hiện, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình, qua đó xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so kế hoạch đầu năm.

b) Hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình

Sau khi Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Huyện đã chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền qua viết tin, bài, phóng sự về các mô hình giảm nghèo hiệu quả; khơi dậy ý chí chủ động vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo bền vững. Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo; hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên cho các dịch vụ

thuộc nội dung giảm nghèo đa chiều như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin; phát triển hạ tầng.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới, dự án giảm nghèo đảm bảo hiệu quả, sát tình hình thực tế địa phương. Chung tay xây dựng nông thôn mới, xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu, các tệ nạn xã hội; tổ chức vận động hội viên, đoàn viên, Nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt kế hoạch; tuyên truyền, tổ chức phát động các phong trào “Vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”, vận động xây dựng quỹ “Vì người nghèo”. Lòng ghép thực hiện phong trào, các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phát động.

Công tác tuyên truyền về Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo được cấp ủy đảng, chính quyền các cấp quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức làm công tác giảm nghèo và cộng đồng dân cư sống trên địa bàn huyện về công tác giảm nghèo bền vững bằng nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin như: Thông qua hệ thống truyền thanh huyện; Trang thông tin điện tử huyện; tuyên truyền bằng pa nô, áp phích và truyền thông trực tiếp tại các xã, thị trấn, khu dân cư để người dân cập nhật, nắm bắt thông tin và đăng ký tham gia các dự án hỗ trợ: tổ chức lớp tập huấn về công tác giảm nghèo cho cán bộ cấp xã, phối hợp lắp đặt các cụm pano tuyên truyền về giảm nghèo trên địa bàn các xã, thị trấn,... Tổ chức Hội nghị tư vấn, giới thiệu, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến thông tin thị trường lao động và thu hút người lao động, người sử dụng lao động tham gia các hoạt động giao dịch việc làm.

Người dân được tham gia vào các hoạt động: Tham gia ý kiến trong các buổi họp dân về hỗ trợ phát triển sản xuất, mô hình giảm nghèo; Về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; tham gia góp ngày công lao động, giám sát xây dựng các công trình tại cơ sở: đường giao thông nông thôn, nhà rộng, sân tập thể thao,...; tham gia các mô hình giảm nghèo: Nuôi bò sinh sản, cây ăn quả... Đa số hộ nghèo, hộ cận nghèo đã có sự chủ động hơn trong việc tìm kiếm các giải pháp thoát nghèo và cũng ý thức được các chính sách, chương trình giảm nghèo của Nhà nước chuyển từ hỗ trợ hoàn toàn sang hỗ trợ có điều kiện.

c) Đánh giá tình hình thực hiện công tác báo cáo, giám sát, đánh giá định kỳ

- Chỉ đạo các cơ quan thường trực xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra tại các đơn vị. Qua công tác kiểm tra, đánh giá kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của các địa phương để chỉ đạo giải quyết; kịp thời đánh giá những tồn tại, hạn chế; qua đó có giải pháp thực hiện đảm bảo theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện giao cho phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực, trực tiếp theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Chương trình. Đồng thời tổ chức đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình và tổng hợp báo cáo cấp trên theo quy định.

d) Công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử

Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chế độ giám sát của HĐND cấp tỉnh và HĐND cùng cấp trong triển khai thực hiện Chương trình. Đồng thời tiếp thu và thực hiện có hiệu quả các đề xuất, kiến nghị của đoàn giám sát HĐND các cấp đã chỉ ra. Qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời tháo gỡ khó khăn, đề ra giải pháp thực hiện có hiệu quả hơn.

2. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

2.1. Tình hình phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2022

- Tổng kế hoạch vốn năm 2022 phân bổ: 76.374 triệu đồng trong đó vốn giao năm 2022 là 74.334 triệu đồng; vốn năm 2021 sang 2022 phân bổ thực hiện 2.040 triệu đồng gồm:

+ Vốn đầu tư 66.409 triệu đồng ;

+ Vốn sự nghiệp 9.965 triệu đồng (*bao gồm kế hoạch vốn năm 2021 sang 2022 thực hiện 2.040 triệu đồng*).

2.2. Tình hình phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023

- Tổng kế hoạch vốn năm 2023 phân bổ: 101.406 triệu đồng bao gồm kế hoạch vốn giao đầu năm 71.972 triệu đồng, và kế hoạch vốn năm trước chuyển sang tiếp tục thực hiện 29.433 triệu đồng. trong đó:

+ Vốn Đầu tư: 65.139 triệu đồng bao gồm kế hoạch vốn giao đầu năm 42.218 triệu đồng, kế hoạch vốn năm trước chuyển sang tiếp tục thực hiện 22.921 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 36.266 triệu đồng bao gồm kế hoạch vốn giao đầu năm 29.754 triệu đồng, kế hoạch vốn năm trước chuyển sang tiếp tục thực hiện 6.512 triệu đồng.

3. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án trên địa bàn huyện

3.1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo:

- Tổng công trình giao giai đoạn 2021-2023 là 29 công trình trong đó :

+ Năm 2022 là 16 công trình với tổng số vốn giao là: 51.577 triệu đồng đã giải ngân 35.263,823 triệu đồng đạt 68,4%, chuyển nguồn sang năm 2023 là: 16.613,176 triệu đồng.

+ Năm 2023 tổng công trình thực hiện là 29 công trình tổng số vốn là 54.081,176 triệu đồng. Trong đó 13 công trình mới với tổng số vốn là 29.197 triệu đồng và 16 công trình chuyển nguồn từ năm 2022 tổng vốn là: 24.884,173 (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 là 16.613,176 triệu đồng và vốn giao 2023 là 8.271 triệu đồng*). Đã giải ngân 28.366 triệu đồng.

3.2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo:

*** Tình hình phân bổ vốn:**

- Năm 2021: Phân bổ vốn 2.040 triệu đồng giao cho 11 xã chưa thực hiện chuyển sang năm 2022 thực hiện 3 dự án xã Đăk Hà, Văn Xuôi, Ngọc Yêu .

- Năm 2022: 2.315 triệu đồng. Phân bổ vốn 5.831 triệu đồng (*năm 2021 và 2022 còn lại*) chuyển sang năm 2023 thực hiện.

- Năm 2023: 5.831 triệu đồng. Đã thẩm định phê duyệt xong 3 dự án cà phê ca ti mor của xã Tu Mơ Rông, hiện tại xã Tu Mơ Rông đang triển khai thực hiện.

*** Kết quả giải ngân:**

Tính đến 15/11/2023: giải ngân được 440.828.500 đồng. Trong đó:

- Vốn năm 2021 chuyển sang 2022 thực hiện, xã Đăk Hà 147.800.000 đồng, Văn Xuôi 148.028.500, Ngọc Yêu 145.000.000 đồng.

- Vốn năm 2023: Các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã đang được thẩm định các dự án.

3.3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng:

a) Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp:

* Phân bổ giai đoạn 2021-2025 là: 8.000 triệu đồng:

- Năm 2021, trên địa bàn huyện chưa triển khai thực hiện, lý do Trung ương phân bổ vốn để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững chậm; đến thời điểm hiện tại đã được phân bổ vốn để thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, hiện UBND huyện đang triển khai các bước để thực hiện. Tuy nhiên một số hướng dẫn thực hiện cụ thể của các dự án, tiểu dự án còn chậm, nên chưa triển khai kịp thời.

- Năm 2022, triển khai thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất (*Tiểu dự án 1, dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*): Ngân sách Trung ương: 981 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*). Chuyển nguồn không thực hiện vì hiện nay tỉnh chưa ban hành định mức hỗ trợ cho các hộ dân cũng như Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

- Năm 2023 là: Tổng kế hoạch vốn thực hiện tiểu dự án 1, dự án 3 chương trình mục tiêu quốc gia GNBV: 5831 triệu đồng *bao gồm cả vốn các năm trước chuyển sang*.

*** Kết quả thực hiện:**

- Năm 2021, trên địa bàn huyện chưa triển khai thực hiện, lý do Trung ương phân bổ vốn để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững chậm; đến thời điểm hiện tại đã được phân bổ vốn để thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, hiện đang triển khai các bước để thực hiện. Tuy nhiên một số hướng dẫn thực hiện cụ thể của các dự án, tiểu dự án còn chậm, nên chưa triển khai kịp thời.

- Năm 2022, triển khai thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất (*Tiểu dự*

án 1, dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp): Ngân sách Trung ương: 981 triệu đồng (Vốn sự nghiệp). Chuyển nguồn không thực hiện vì tỉnh chưa ban hành định mức hỗ trợ cho các hộ dân cũng như Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

- Hiện nay các đơn vị trên địa bàn huyện được giao vốn để triển khai thực hiện tiểu dự án 1, dự án 3 đang triển khai các bước theo quy định. Ước thực hiện năm 2023 đạt kế hoạch đề ra (kể cả nguồn vốn năm 2022 chuyển sang).

b) Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng:

- Ngân sách trung ương phân bổ năm 2023 là 962 triệu đồng.

- Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng Y tế huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các xã nghiên cứu tổ chức triển khai thực hiện. Tuy nhiên, quá trình thực hiện dự án gặp vướng mắc như sau: Theo hướng dẫn của Sở Y tế tỉnh², Sở Y tế giao cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố chủ trì thực hiện các nội dung của Tiểu dự án (đây là các đơn vị trực thuộc ngành dọc của tỉnh).

- Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát các quy định có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện để chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của Tiểu dự án theo đúng quy định hiện hành.

3.4. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững:

a) Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn:

- Ngân sách năm 2022: 741 triệu đồng. Kết quả thực hiện 691,25 triệu đồng.

- Ngân sách trung ương phân bổ năm 2023: 1.561 triệu đồng; Dự kiến đến 31/12/2023 Trung tâm sẽ đào tạo 07 lớp nghề, số vốn giải ngân là 457.100.000 đồng.

*** Kết quả thực hiện mục tiêu của Chương trình (tiểu dự án 1, dự án 4: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp việc làm bền vững)**

- Năm 2022: Trung tâm đã triển khai mở 09 lớp đào tạo nghề với tổng số 315 học viên³, tổng số vốn thực hiện 696,25 triệu đồng

- Năm 2023: Trung tâm dự kiến sử dụng nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững vào việc mua sắm cơ sở vật chất phục vụ công

² Kế hoạch số 940/KH-SYT, ngày 30/3/2023 của Sở Y tế tỉnh về thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023.

³ -Tại xã Đăk Rơ Ông có 03 lớp:

+ 02 lớp nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò tại thôn Ngọc Năng 1
+ 01 lớp trồng, chăm sóc sơn tra tại thôn Kon Hia 2

-Tại xã Đăk Tờ Kan có 03 lớp:

+02 lớp chăm sóc cà phê vối tại thôn Đăk Prông và Tê Xô Ngoài
+01 lớp nê hoàn thiện tại thôn Kon Hnông

-Tại xã Văn Xuôi có 01 lớp trồng, chăm sóc sâm dây tại thôn Ba khen

- Tại xã Đăk Sao có 02 lớp nghề trồng, chăm sóc sơn tra

tác đào tạo nghề. Tuy nhiên do vướng mắc về công tác phân khai kinh phí (*văn bản hướng dẫn chưa kịp thời*) cho nên Trung tâm chưa tiến hành mua sắm thiết bị, cơ sở vật chất cần thiết vì vậy chưa thể giải ngân nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023.

b) Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: hiện tại trên địa bàn huyện đang phối hợp với trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh và các công ty xuất khẩu lao động đang tuyên truyền về chế độ chính sách đối với người tham gia xuất khẩu lao động.

c) Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững:

- Ngân sách năm 2022 chưa thực hiện 4,39 triệu đồng chưa thực hiện; Ngân sách trung ương phân bổ năm 2023: 1.120 triệu đồng đang triển khai thực hiện.

3.5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo:

a) Ngân sách trung ương bố trí; ngân sách địa phương (*cấp huyện*) bố trí; huy động khác

- Ngân sách trung ương bố trí là 10.880 triệu đồng.

* Đã giải ngân 400. Triệu đồng.

3.6. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin:

a) Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin:

- Ngân sách trung ương phân bổ năm 2023 là 642 triệu đồng. Các cơ quan, đơn vị được giao vốn đang triển khai.

- Đã giải ngân là 24 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều:

- Ngân sách trung ương phân bổ năm 2023: **200,0** triệu đồng. Các cơ quan, đơn vị được giao vốn đang triển khai.

- Hoạt động truyền thông được cả hệ thống chính trị huyện triển khai thực hiện, đặc biệt là nội dung truyền thông Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*” trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông. Trong những năm qua được thực hiện với nhiều hoạt động thiết thực, phù hợp với tình hình của địa phương, thông qua các phương tiện thông tin truyền thông, truyền thanh - truyền hình và thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, các cuộc họp thôn đã tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa, nội dung cuộc vận động đến tất cả nhân dân đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn các xã, thôn trên địa bàn huyện, góp phần nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về ý chí tự lực vươn lên phát triển kinh tế và tiến đến thoát nghèo bền vững. Đồng thời, giới thiệu Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh địa điểm lắp đặt cụm Panô cố định truyền thông về công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện.

3.7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình:

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình:

- Ngân sách năm 2022 chưa thực hiện chuyển sang 147 triệu đồng chưa triển khai thực hiện; Ngân sách trung ương phân bổ năm 2023: 484 triệu đồng.

- Với nội dung thực hiện: Trên nguồn vốn giao hiện nay hầu hết các đơn vị liên quan và UBND các xã đã và đang xây dựng kế hoạch tổ chức cho các Thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG đi học tập kinh nghiệm về công tác giảm nghèo trong và ngoài tỉnh.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá:

Ngân sách trung ương phân bổ năm 2023: 259 triệu đồng.

- Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện, dự kiến trong tháng 8, tháng 9 tổ chức giám sát kết quả thực hiện 11/11 xã. Ngoài ra, Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thường xuyên tổ chức các cuộc họp với Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị được giao thực hiện các dự án của Chương trình thăm nắm tiến độ thực hiện và cùng tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện các mô hình, dự án. Chỉ đạo các cơ quan Thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu

4.1. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (từ năm 2021-2023):

4.1.1. Kết quả cuối năm 2021: Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ.

- Hộ nghèo: 3.546/6.805 hộ, chiếm tỷ lệ 52,11% (Hộ nghèo là dân tộc thiểu số 3.545/3.546 hộ, chiếm tỷ lệ 99,97%).

- Hộ cận nghèo: 550/6.805 hộ, chiếm tỷ lệ 8,08% (Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 550/550 hộ, chiếm tỷ lệ 100%).

4.1.2. Kết quả cuối năm 2022:

- Hộ nghèo: 2.859/6.963 hộ, chiếm tỷ lệ 41,06% (Hộ nghèo là dân tộc thiểu số 2.858/2.859 hộ, chiếm tỷ lệ 99,97%).

- Hộ thoát nghèo: 742 hộ, tỷ lệ giảm nghèo 11,05% (Tỷ lệ % cuối năm 2021 - tỷ lệ % kết quả điều tra cuối năm 2022), tỷ lệ hộ nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 41,06% (So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 2.859/6.963 hộ).

- Hộ cận nghèo: 432/6.963 hộ, chiếm tỷ lệ 6,20% (Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 432/432 hộ, chiếm tỷ lệ 100%).

- Hộ thoát cận nghèo: 228 hộ, tỷ lệ giảm cận nghèo 1,88% (Tỷ lệ % cuối năm 2021 - tỷ lệ % kết quả điều tra cuối năm 2022), tỷ lệ hộ cận nghèo còn lại

đến thời điểm rà soát là 6,20% (So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 432/6.963 hộ).

1.3. Kế hoạch năm 2023: Tỷ lệ giảm nghèo đa chiều 10,50%. Trong đó: Giảm 562 hộ nghèo, tỷ lệ giảm 8,48%, hộ nghèo còn lại: 2.297/7.050 hộ, chiếm tỷ lệ 32,58%; Giảm 137 hộ cận nghèo, tỷ lệ giảm 2,02%, hộ cận nghèo còn lại 295/7050 hộ, chiếm tỷ lệ 4,18%.

*** Năm 2023:** (Số liệu sơ bộ)

- Hộ nghèo: 2206 hộ, chiếm tỷ lệ 31,22% (Hộ nghèo là dân tộc thiểu số hộ, chiếm tỷ lệ 32,78%).

- Hộ thoát nghèo: 653 hộ, tỷ lệ giảm nghèo 31,22% (Tỷ lệ % cuối năm 2023 so với tỷ lệ 9,83 % kết quả điều tra cuối năm 2022), tỷ lệ hộ nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 31,22 % (So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát hộ).

- Hộ cận nghèo: 288 hộ, chiếm tỷ lệ 4,1 % (Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 288 hộ, chiếm tỷ lệ 4,28%).

- Hộ thoát cận nghèo: 114 hộ, tỷ lệ giảm cận nghèo 4,1 % (Tỷ lệ % cuối năm 2023 so với tỷ lệ % 2,10 kết quả điều tra cuối năm 2022), tỷ lệ hộ cận nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 4,1 % (So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát hộ).

5. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội trên địa bàn huyện

- Chính sách hỗ trợ về Y tế: Công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được quan tâm thường xuyên, công tác khám chữa bệnh cho người dân được nâng cao về chất lượng, dịch vụ, đặc biệt là người nghèo. Tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 05 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; định kỳ triển khai hoạt động cân nặng, đo chiều cao cho trẻ dưới 05 tuổi, sàng lọc trẻ suy dinh dưỡng cấp tính trên địa bàn huyện để theo dõi, tư vấn và điều trị; truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ đang nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em từ 0-16 tuổi. 100% hộ nghèo được cấp thẻ BHYT miễn phí.

- Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện năm học 2023-2024, Trong đó: Chế độ hỗ trợ chi phí học tập với số lượng: 8133 học sinh, với số tiền hỗ trợ là: 4.880 triệu đồng; Chế độ miễn, giảm học phí dự kiến với số lượng: 4.636 học sinh, với số tiền hỗ trợ là: 850 triệu đồng. (hiện nay, Thực hiện Công văn số 3626/UBND-KGVX, ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024); tạm dừng thu học phí chờ hướng dẫn.

- Chính sách hỗ trợ học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học

tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động TB&XH, Bộ Tài chính cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện năm học 2023-2024, Trong đó: Chế độ hỗ trợ học bổng với số lượng: 41 học sinh, với số tiền hỗ trợ là: 236 triệu đồng; Chế độ hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập của học sinh khuyết tật đã tổng hợp trong hồ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ (*số tiền theo Nghị định này mỗi học sinh được hưởng cao hơn cụ thể: $150.000 \text{ đ/học sinh} \times 9 \text{ tháng} = 1.350.000 \text{ đ/HS}$*).

- Hỗ trợ về tín dụng ưu đãi: Các hoạt động hỗ trợ vay vốn hộ nghèo tiếp tục được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm. Thông qua đó người dân, đặc biệt là hộ nghèo đã được tiếp cận với nhiều nguồn vốn vay như: vay vốn sản xuất kinh doanh, vay vốn học sinh, sinh viên, vay nước sạch và vệ sinh môi trường, giải quyết việc làm,... đã góp phần giảm bớt khó khăn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng thời tạo cho họ cơ hội, có điều kiện vươn lên thoát nghèo. Đến thời điểm báo cáo, tổng số hộ được hỗ trợ vay vốn là 2.402 hộ/113.803 triệu đồng, trong đó:

+ Cho hộ nghèo vay: 2.125 hộ/ 98.986 triệu đồng.

+ Cho hộ cận nghèo vay: 277 hộ/ 14.907 triệu đồng.

Nhìn chung, việc đầu tư nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phát huy được hiệu quả; các hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận kịp thời nguồn vốn vay và đúng đối tượng thụ hưởng chính sách, đã giúp cho các hộ nghèo, cận nghèo nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vươn lên thoát nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần vào sự phát triển kinh tế chung của địa phương.

- Hỗ trợ tiền điện: Thực hiện theo Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về quy định chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội, đã tiếp nhận và chi trả kinh phí hỗ trợ tiền điện năm 2023 cho 2.697 hộ với tổng số tiền là 1.361,985.000 đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác quản lý, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện thống nhất, đồng bộ từ huyện đến cơ sở. Bộ máy quản lý được kiện toàn, hoạt động đi vào nề nếp, có sự phân công, phối hợp chặt chẽ trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện. Tập trung sự chỉ đạo trong điều hành tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thông qua hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp. Chuyển đổi từ cơ chế lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo từng năm sang cơ chế lập kế hoạch theo trung hạn giai đoạn 5 năm. Đồng thời, chú trọng giải pháp thông tin, truyền thông; tăng cường hoạt động theo dõi, kiểm tra, giám sát trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo chiều sâu, trọng tâm vào chất lượng, hiệu quả... Sự thay đổi trong

công tác quản lý, điều hành đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của hệ thống chính trị, các tổ chức và các tầng lớp Nhân dân.

- Mặc dù điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn, giá cả thị trường biến động, đời sống của một bộ phận người dân chưa được đảm bảo, nhưng với sự quyết tâm phấn đấu của các cấp, các ngành từ huyện đến địa phương cơ sở, nên công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện được tổ chức triển khai đồng bộ và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Hầu hết các hộ nghèo đều được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội nói chung, các dịch vụ xã hội cơ bản như: chăm sóc sức khỏe, miễn giảm học phí, nhà ở, đào tạo nghề, phát triển sản xuất...

- Quá trình tổ chức thực hiện tốt phong trào phát huy nội lực lao động sáng tạo trong quá trình thực hiện để đạt được các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Thực hiện có hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh đầu tư các công trình hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất, các chương trình văn hoá - xã hội, giáo dục, y tế, dân số, vay vốn tạo việc làm, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo... Trong đó, huyện tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các chính sách, dự án giảm nghèo và an sinh xã hội như chính sách trợ giúp người nghèo về y tế, giáo dục, vay vốn phát triển sản xuất và đào tạo nghề lao động nông thôn góp phần cải thiện cơ sở vật chất của địa phương, nâng cao đời sống và thoát nghèo bền vững.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Chương trình, mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 có nhiều thay đổi về đối tượng, phạm vi, nội dung hỗ trợ, cơ chế quản lý Chương trình so với giai đoạn trước; số dự án, tiểu dự án thành phần nhiều hơn; cơ chế quản lý chặt chẽ hơn, vì vậy các cấp, các ngành cần có nhiều thời gian để nghiên cứu, hướng dẫn triển khai một cách bài bản, kỹ lưỡng so với giai đoạn trước.

- Các nội dung hướng dẫn Chương trình được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, nội dung của các văn bản thường rất dài, trong khi đó năng lực chuyên môn, hiểu biết của đội ngũ cán bộ cấp thôn, cấp xã còn hạn chế vì vậy để đội ngũ cán bộ cơ sở có thể nắm bắt, vận dụng chính xác, nhuần nhuyễn quy định của nhà nước trong việc quản lý, điều hành và thực hiện Chương trình trong giai đoạn này có nhiều khó khăn so với giai đoạn trước.

- Đối với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, hiện nay còn có khó khăn trong xác định đối tượng học nghề tại Tiểu dự án 1 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn thuộc Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn theo Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đó là “người lao động có thu nhập thấp” do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể để xác định đối tượng trên.

2.2. Nguyên nhân: Công tác tuyên truyền vận động làm chuyển biến tư tưởng của quần chúng nhân dân ở một vài địa phương cơ sở chưa sâu rộng; công tác kiểm tra, đôn đốc của một số cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chuyên

môn chưa thường xuyên, kịp thời, hiệu quả chưa cao; hoạt động của Ban chỉ đạo của một số địa phương còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

Xác định giảm nghèo là một trong những nhiệm vụ ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bám sát quan điểm, mục tiêu và giải pháp, xác định đúng thực trạng để xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể tập trung chỉ đạo và huy động các nguồn lực cho Chương trình.

Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp và Nhân dân.

Phát huy vai trò của người nghèo trong tự ý thức vươn lên thoát nghèo, làm giàu cho gia đình và xã hội.

Phân cấp, trao quyền, tạo sự chủ động cho cơ sở, đảm bảo nâng cao hiệu quả nguồn lực đầu tư, ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm đồng thời trong tổ chức thực hiện Chương trình phải đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai và minh bạch.

Nâng cao hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận, hội đoàn thể các cấp trong triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách giảm nghèo. Thường xuyên kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết gắn với phong trào thi đua “Vì người nghèo- Không để ai bị bỏ lại phía sau” làm động lực cho các tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thành viên BCĐ CTMTQG huyện;
- CVP, các PCVP HĐND-UBND huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT-TH, PLĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Quang